| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST<br>Ngày: 18-8-2017<br>V/v "tranh chấp ly hôn" | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thật.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Ông Nguyễn Thành Được.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Cao D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp 1, xã T3, huyện T, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 3, xã T3, huyện T, tỉnh Long An.

*Ông D vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà T1 vắng mặt không có lý do.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Cao D:* Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Cao D xác định ông D khởi kiện yêu cầu:

- Về hôn nhân: Ông Cao D yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thị Thúy T2, sinh năm 1998, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên

Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28/02/2009 hiện nay đang sống với bà T1. Ông D đồng ý để cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Cao D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đề nghị của bị đơn - bà Nguyễn Thanh T1:* Bà T1 đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án.

*Các tình tiết của vụ án:*

*Nguyên đơn – ông Cao D trình bày:* Ông D và bà T1 có làm lễ cưới vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông D và bà T1 có hai người con chung tên Nguyễn Thị Thúy T2, sinh 19/12/1998 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28/02/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng không thống nhất được các vấn đề trong cuộc sống gia đình và trong việc làm ăn kinh tế. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông D không còn tình cảm với bà T1, tình cảm gia đình không thể hàn gắn, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T1 và yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về con chung.

*Bị đơn - bà Nguyễn Thanh T1:* Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thanh T1 hiện đang cư ngụ tại ấp 3, xã T3, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt ông Cao D và bà Nguyễn Thanh T1:* Xét thấy, ông D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông D và bà T1.

[3] *Về hôn nhân giữa ông Cao D và bà Nguyễn Thanh T1:* Ông Cao D trình bày ông D và bà T1 chung sống từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T xác nhận ngày 26/6/2017. Ông D xác định mâu thuẫn giữa ông D và bà T1 là trầm trọng và hiện không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 nên ông D đề nghị ly hôn và chấm dứt hôn nhân với bà T1. Bà T1 vắng mặt không có ý kiến, không cung cấp tài

liệu, chứng cứ phản bác yêu cầu khởi kiện của ông D nên lời trình bày của ông D là có cơ sở chấp nhận. Xét thấy, ông Cao D và bà Nguyễn Thanh T1 không có đăng ký kết hôn, nay ông D khởi kiện yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào quy định của pháp luật, tuyên bố ông Cao D và bà Nguyễn Thanh T1 không phải là vợ chồng.

[4] *Về con chung:* Ông D trình bày có hai con chung tên Nguyễn Thị Thúy T2, sinh ngày 19/12/1998 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28/02/2009, cháu P hiện đang sống với bà T1. Con chung Nguyễn Thị Thúy T2 đã trên 18 tuổi nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp. Đối với con chung Nguyễn Tấn P, ông D đồng ý để bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, con chung Nguyễn Tấn P còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ; cháu P hiện đang sống ổn định với bà T1, bà T1 vắng mặt và không có ý kiến nào phản bác đối với đề nghị của ông D về việc nuôi dưỡng con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của ông D về việc bà T1 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn P, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về chia tài sản chung, nợ chung:* Ông Cao D không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Nguyễn Thanh T1 không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Cao D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận ông Cao D và bà Nguyễn Thanh T1 là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thanh T1 được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28/02/2009. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Nguyễn Tấn P hiện đang sống chung với bà T1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. *Về án phí:* Ông Cao D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai số 0003540 ngày 22 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí, ông D đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T
- THADS huyện T;
- UBND xã T3;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thật**